



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Khoa: Ngoại Ngữ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Khởi nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Mã số: 7220204

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 20/06/2025

Số trang: 18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: Khởi nghiệp Tiếng Anh: Entrepreneurship
- Mã số học phần: SPU0071
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 02 + Số tiết lý thuyết: 15 + Số tiết thực hành/ thảo luận: 30 + Số tiết thực tế ngoài trường: 00 + Số tiết dạy học dự án: 00 + Số tiết tự học: 90
- Điều kiện tham gia học phần:

• Học phần tiên quyết: không • Học phần học trước: không • Học phần song hành: không
- Yêu cầu của học phần (<i>giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu</i>) - Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 75 %. - Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ... - Tham gia đầy đủ các bài thực hành; - Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

1.2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS Nguyễn Văn Minh

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế-QTKD trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại 0973990362 Email: minhnv@thanhdong.edu.vn.
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, tài chính, quản lý

Giảng viên 2:

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế-QTKD trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: Email:
- Các hướng nghiên cứu chính:

2. Mô tả học phần (*vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp...

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives– COs)

Bảng 1: Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Tổng hợp kiến thức về quá trình khởi nghiệp, tạo lập doanh nghiệp mới và lập kế hoạch kinh doanh	PLO1	3/6
CO2	Triển khai được ý tưởng khởi nghiệp	PLO5	3/5
CO3	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng soạn thảo văn bản và xây dựng bài thuyết trình	PLO6	4/5
CO4	Khả năng thích nghi với môi trường thay đổi	PLO11	4/5
CO5	Tự học hỏi, cập nhật kiến thức và kỹ năng về khởi nghiệp	PLO12	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Bảng 2: Mô tả chuẩn đầu ra của học phần Khởi nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

PLOs ngành Ngôn ngữ Trung Quốc phân nhiệm cho HP Khởi nghiệp			CLOs Khởi nghiệp				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (L,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO01 [1.1.1]	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO1 [1.1.1.1]	Nhận thức được về khởi nghiệp, quy trình và mô hình khởi nghiệp, các vấn đề liên quan	ITU	3/6	Chương 1,2,5,6,7
			CLO2 [1.1.1.2]	Vận dụng được quy trình và mô hình khởi nghiệp để lập kế hoạch kinh doanh	ITU	3/6	Chương 3,4,5
PLO5 [2.1.1]	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	4/5	CLO3 [2.1.1.1]	Làm việc, học tập độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	TU	3/5	Chương 2,3,4,5,6
PLO6 [2.1.2]	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc các	4/5	CLO4 [2.1.2.1]	Soạn thảo được kế hoạch khởi nghiệp và mô hình canvas	TU	4/5	Chương 5,6

PLOs ngành Ngôn ngữ Trung Quốc phân nhiệm cho HP Khởi nghiệp			CLOs Khởi nghiệp				
	chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.		CLO5 [2.1.2.2]	Xây dựng và thực hiện được bài thuyết trình	TU	4/5	Chương 5,6
PLO11 [3.1]	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	4/5	CLO6 [3.1.1]	Tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về khởi nghiệp. Tự ra quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong kinh doanh.	U	4/5	Chương 2,7
PLO12 [3.2]	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	4/5	CLO7 [3.2.1]	Làm việc nghiêm túc, đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh.	U	4/5	Chương 7

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài giảng cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1		PLO5	PLO6		PLO11, 12	
CLOs Bài giảng	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng chung			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7
	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[2.1.2.1]	[2.1.2.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Chương 1	x						
Chương 2	x		x			x	
Chương 3		x	x				
Chương 4		x	x				
Chương 5	x	x	x	x	x		
Chương 6	x		x	x	x		
Chương 7	x					x	x

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá ,thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	CLO1,2,3,4,5,6,7	10	Điểm danh trên lớp	Các buổi học
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà	CLO1,2,3,4,5,6,7	10	Thông qua các hoạt động trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập về nhà	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO1,2,3,5,6	30	Tự luận	Chương 1,2,3,4
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Tự luận	Chương 6
A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Thi cuối kì	CLO1,2,3,4,6,7		Bài tập lớn	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLOs	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng chung			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7
	Bài ĐG	[1.2.2.1]	[1.2.2.2]	[2.1.1.1]	[2.1.2.1]	[2.1.2.1]	[3.1.1]
A1.1	x	x	x		x	x	
A1.2	x	x	x		x	x	
A2	x	x	x	x		x	x

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Nhận thức về khởi nghiệp 1.1. Một số thuật ngữ 1.2. Vai trò của khởi nghiệp 1.3. Các loại hình khởi nghiệp 1.4. Sự khác nhau giữa DN khởi nghiệp vừa và nhỏ với DN khởi nghiệp sáng tạo 1.5. Quy trình khởi nghiệp	1/2	CLO1	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu chương 1 và tóm tắt các nội dung chính - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1.1 A1.2 A2
2	Chương 2. Đánh giá bản thân 2.1. Khái niệm doanh nhân 2.2. Đặc điểm của lao động là doanh nhân 2.3. Vai trò của người chủ kinh doanh	2/4	CLO1 CLO3 CLO11	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu chương 2 và	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2.4. Thách thức khi khởi sự kinh doanh 2.5. Lý do kinh doanh thất bại 2.6. Phân tích điều kiện bản thân với tư cách là chủ DN			Thảo luận, trình bày, giải đáp	tóm tắt các nội dung chính - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu - Nghiên cứu giải quyết tình huống - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	
3	Chương 3. Hình thành ý tưởng kinh doanh 3.1. Khái niệm 3.2. Phương pháp tìm kiếm, sáng tạo ý tưởng kinh doanh 3.2.1. Phương pháp kinh nghiệm 3.2.2. Phương pháp tư duy sáng tạo 3.2.3. Phương pháp sử dụng thư viện và tìm kiếm trên internet 3.3. Tư duy thiết kế 3.3.1. Đồng cảm	2/4	CLO2 CLO3	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu chương 3 và tóm tắt các nội dung chính - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	3.3.2. Xác định vấn đề 3.3.3. Lên ý tưởng 3.3.4. Xây dựng sản phẩm mẫu 3.3.5. Kiểm chứng/thử nghiệm 3.3.6. Kể lại câu chuyện của bạn Thảo luận: tìm kiếm ý tưởng kinh doanh				- Nghiên cứu giải quyết tình huống - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	
4	Chương 4. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh 4.1. Đánh giá sơ bộ 4.2. Đánh giá chi tiết	2/4	CLO2 CLO3	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu chương 4 và tóm tắt các nội dung chính - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu - Nghiên cứu giải quyết tình huống	A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
					-Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	
5	Chương 5. Lập kế hoạch kinh doanh 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Vai trò của kế hoạch kinh doanh 5.1.3. Phân loại kế hoạch kinh doanh 5.1.4. Kết cấu của bản kế hoạch kinh doanh 5.2. Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh 5.2.1. Tổ chức lập kế hoạch kinh doanh 5.2.2. Kỹ năng cần thiết khi soạn thảo kế hoạch kinh doanh 5.2.3. Lưu ý khi soạn thảo kế hoạch kinh doanh 5.3. Các bộ phận chủ yếu cấu thành nên kế hoạch kinh doanh *Thực hành lập kế hoạch kinh doanh Thảo luận: Lập kế hoạch kinh doanh	3/6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp Hướng dẫn làm việc nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu chương 5 và tóm tắt các nội dung chính - Làm việc nhóm - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu - Nghiên cứu giải quyết tình huống -Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
6	Chương 6. Mô hình kinh doanh Canvas 6.1. Khái niệm 6.2. Cấu phần của mô hình kinh doanh Canvas 6.2.1. Customer Segments (Phân khúc khách hàng) 6.2.2. Value Propositions (Tuyên ngôn giá trị) 6.2.3. Channels (Kênh tiếp cận khách hàng) 6.2.4. Customer Relationships (quan hệ khách hàng) 6.2.5. Key Resources (Các nguồn lực chính) 6.2.6. Key Activities (Các hoạt động chính) 6.2.7. Key Partners (các đối tác chính) 6.2.8. Cost Structures (cơ cấu chi phí) 6.2.9. Revenue Streams (các nguồn thu) Thảo luận: tóm tắt ý tưởng kinh doanh trên mô hình Canvas Bài kiểm tra số 02	2/4	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp Hướng dẫn làm việc nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu chương 6 và tóm tắt các nội dung chính - Làm việc nhóm - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu - Nghiên cứu giải quyết tình huống -Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	A1.1 A1.2 A2
7	Chương 7. Một số vấn đề trong khởi sự kinh doanh 7.1. Khởi sự kinh doanh với vấn đề về pháp lý 7.2. Khởi sự kinh doanh với vấn đề về Marketing	2/4	CLO1 CLO6 CLO7	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép	A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	7.3. Khởi sự kinh doanh với vấn đề về nhân sự 7.4. Khởi sự kinh doanh với vấn đề về kế toán, thuế			Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Đọc trước tài liệu chương 7 và tóm tắt các nội dung chính - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	
8	Ôn tập	1/2	CLO1 CLO6 CLO7	Thảo luận, giải đáp	Ôn tập, thảo luận	

Ghi chú:

- (2) Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.
- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;
- (4) Liệt kê các CDR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.
- (5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR;
- (6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số....
- (7) Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x).

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

T T	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính, bài giảng			
1	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	2016	Khởi sự kinh doanh	NXB Đại học KTQD
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Nguyễn Đăng Tuấn Minh	2012	Giáo trình Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	NXB Phụ nữ

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

T T	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Diễn đàn kinh tế Việt Nam	https://vef.vn/	
2	Pháp lý khởi nghiệp	https://khoinghiep.thuvienphapluat.vn/	

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B	- Máy chiếu - Mạng internet	01	Chương 1,2,3,4,5,6,7

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (ClassAttendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (OralPresentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%

				sử dụng video	Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

				nhóm.		
--	--	--	--	-------	--	--

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

- **Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Hải Dương, ngày tháng năm

Trưởng khoa

Người biên soạn